

Số: 23/2023/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 382/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 85/BC-BVHXH ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng dân nhân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- b) Người đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập quy định tại điểm a khoản này.
- c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Danh mục và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Danh mục và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Công tác quản lý thu, chi

1. Căn cứ nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông xây dựng dự toán thu - chi thông qua Hội đồng trường (đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có Hội đồng trường), thỏa thuận với cha mẹ học sinh về mức thu đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện theo năm học và chia thành nhiều đợt để giảm gánh nặng cho học sinh và cha mẹ học sinh. Cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm tổ chức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được hạch toán theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền. Vào cuối học kỳ, cuối năm học, cơ sở giáo dục tổng hợp kết quả thu và quyết toán chi từng khoản thu; thông báo công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

5. Ngoài các khoản thu được nêu tại quy định này và các khoản thu theo quy định hiện hành, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận với cha mẹ học sinh để thu thêm các khoản thu khác (trừ trường hợp văn bản pháp luật có quy định khác).

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm

Miễn, giảm thu các khoản thu theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc đối tượng được quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Hai mươi thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Đăng Công báo tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh



Phụ lục

DANH MỤC MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI HỌC PHÍ ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGƯỜI HỌC CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ST T	Nội dung thu	Đơn vị tính	Định mức tối đa đối với phường, thị trấn				Định mức tối đa đối với địa bàn xã				Phụ ghi
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
I	Các khoản dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú (là các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho trẻ em, học sinh ăn, ngủ trưa tại cơ sở giáo dục).	đồng/học sinh/tháng	250,000	250,000	250,000	250,000	200,000	200,000	200,000	200,000	<ul style="list-style-type: none"> - Chi thù lao cho người quản lý học sinh; tổ chức quản lý và phục vụ vệ sinh phục vụ ở bán trú không quá 55% tổng thu đối với phường, thị trấn và không quá 69% đối với địa bàn xã. - Số tiền còn lại chi trực tiếp cho mua sắm đồ dùng, dụng cụ; hỗ trợ điện, nước; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động bán trú.
II	Các khoản dịch vụ phục vụ cho hoạt động nội trú (là các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho trẻ em, học sinh ăn, ngủ trưa tại cơ sở giáo dục ở cả ngày và đêm ở trường, kể cả thứ bảy, chủ nhật).	đồng/học sinh/tháng			350,000	350,000			300,000	300,000	<ul style="list-style-type: none"> - Chi thù lao cho người quản lý học sinh; tổ chức quản lý và phục vụ vệ sinh phục vụ ở nội trú không quá 60% tổng thu đối với phường, thị trấn và không quá 70% đối với địa bàn xã. - Số tiền còn lại chi trực tiếp cho mua sắm đồ dùng, dụng cụ; hỗ trợ điện, nước; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động nội trú.

ST T	Nội dung thu	Đơn vị tính	Định mức tối đa đối với phường, thị trấn				Định mức tối đa đối với địa bàn xã				Phụ ghi
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
III	Tiền ăn học sinh cho hoạt động bán trú và nội trú		Theo thỏa thuận cha mẹ học sinh nhưng đảm bảo an toàn thực phẩm và dinh dưỡng theo quy định hiện hành							Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.	
IV	Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường; phục vụ hoạt động giáo dục										
I	Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường										
	Thu để thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống; hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa như: bồi dưỡng kỹ năng sống; bồi dưỡng năng khiếu Thể dục thể thao; bồi dưỡng Âm nhạc, Mỹ thuật; tăng cường dạy học ngoại ngữ, Tin học theo nhu cầu; tổ chức chương trình làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo; tổ chức hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp ngoài chương trình chính khóa.	đồng/học sinh/giờ	7,000	5,000	5,000	7,000	7,000	5,000	5,000	7,000	- Chi thù lao trực tiếp giảng dạy (không quá 80%). - Chi công tác quản lý, tổ chức các lớp (không quá 5%), còn lại trả tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ việc tổ chức hoạt động giáo dục.
2	Dịch vụ phục vụ học sinh										
a	Hỗ trợ photocopy tài liệu phục vụ ôn tập, kiểm tra	đồng/học sinh/năm học		48,000	60,000	60,000		48,000	60,000	60,000	Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.
b	Học bạ giấy (học sinh lớp 1, lớp 6 và lớp 10)	đồng/học sinh/năm học		10,000	10,000	10,000		10,000	10,000	10,000	Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.
c	Túi hồ sơ (chỉ thu học sinh lớp 1, lớp 6, lớp 10 và học sinh mới chuyển đến)	đồng/học sinh/năm học		10,000	10,000	10,000		10,000	10,000	10,000	Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.
3	Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho người học										

ST T	Nội dung thu	Đơn vị tính	Định mức tối đa đối với phường, thị trấn				Định mức tối đa đối với địa bàn xã				Phụ ghi	
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông		
a	Hợp đồng nhân viên vệ sinh trường (Đối với các trường không tổ chức bán trú và nội trú)	đồng/học sinh/năm học		60,000	40,000	40,000		60,000	40,000	40,000	Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.	
b	Khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường).	đồng/ học sinh/ năm học	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.	
c	Ghế ngồi cho hoạt động ngoài giờ (chi thu tiền học sinh đầu cấp học)	đồng/học sinh/năm học		Theo thỏa thuận				Theo thỏa thuận			Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.	
d	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tiết/môn/ học sinh	Theo thỏa thuận									Thu, chi theo thực tế, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

